

Bản án số: 121/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 17-7-2018

V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH – TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Thu

2. Ông Nguyễn Văn Sấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa – Thư ký Tòa án, TAND huyện Yên Định, Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND huyện Yên Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Cường – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17/7/2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/7/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị N - Sinh năm: 1990

ĐKHKTT: Thôn X, xã L, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: xã Đ, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Anh C - Sinh năm: 1984

Trú tại: Thôn 2, xã L, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị N và anh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 02/7/2018, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị N trình bày: Chị và anh C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Y ngày 10/9/2011. Sau khi kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng sống với nhau nhưng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, đã ly thân từ tháng 9/2015 đến nay, không quan tâm gì đến nhau.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu P, sinh ngày 29/7/2012. Chị N đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tài sản chung vợ chồng không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07/5/2018, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, bị đơn là anh C trình bày: Anh và chị N kết hôn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn ngày 10/9/2011 tại UBND xã L, huyện Y. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Đến năm 2015 chị N đã bỏ nhà đi vào tỉnh Đắk Nông làm ăn, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị N làm đơn ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cũng đồng ý ly hôn chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu P, sinh ngày 29/7/2014. Khi ly hôn anh C đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện việc giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã tiến hành xét xử đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên tòa án đã thực hiện không đúng thời hạn chuyển hồ sơ cho VKS nghiên đề cứu tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 220 BLTTDS.

Đề nghị giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 146, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Về hôn nhân: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh C;

Về con chung: Giao cháu P cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh C.

Về tài sản chung: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh C là bị đơn có hộ khẩu thường trú xã L, huyện Yên Định, Thanh Hóa nên việc chị N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Định giải quyết ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho đương sự theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian rồi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2015 đến nay không quan tâm gì đến nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh C đã trầm trọng. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị N và anh C đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất thuận tình ly hôn. Do vậy cần áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh C.

[3] Về con chung: Chị N, anh C có 01 con chung, cháu là cháu P, sinh ngày 29/7/2012. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị N và anh C đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung của các bên đương sự là chính đáng, nhưng hiện nay cháu P đang còn nhỏ, từ năm 2015 đến nay cháu vẫn đang sinh sống, học tập bình thường tại huyện ĐS, tỉnh Đắk Nông cùng với chị N. Tại phiên tòa anh C cũng xác định: cháu P sẽ không muốn sống cùng anh vì thời gian bố con xa cách đã lâu, cháu không theo anh. Do vậy, giao cháu P cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị N là hoàn toàn tự nguyện nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh C.

[4] Về tài sản chung: Do các bên đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị N phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh C.
2. Về con chung: Giao cháu P, sinh ngày 29/7/2012 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh C.
Anh C có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cấm.
Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con, thay đổi nuôi con theo quy định của pháp luật.
3. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2014/0001680 ngày 03/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, Thanh Hóa. (Chị N đã nộp đủ án phí).
4. Về quyền kháng cáo: Chị N, anh C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Định;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Hoàng